

Xuân Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục lớp mẫu giáo ghép 3 tuổi,
năm học 2025 – 2026**

PHẦN I. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ vào Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 08 năm. 2025 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ vào Kế hoạch số 134 /KH - MN ngày 27 tháng 8 năm 2025. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026 của trường MN số 1 Xuân Hòa;

Căn cứ vào kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ lớp ghép 3 tuổi Gia Mãi năm học 2024- 2025 và tình hình thực tế lớp ghép 3 tuổi Gia Mãi năm học 2025– 2026.

Lớp ghép 3 tuổi Gia Mãi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Đánh giá thực trạng

1.1. Đặc điểm tình hình chung

Lớp mẫu giáo ghép 3 tuổi GM có tổng số 26 học sinh, trong đó:

3 tuổi: 15 học sinh (dân tộc 15 trẻ, nam 8 trẻ, nữ 7 trẻ) tăng so với năm học trước 9 học sinh đạt 60%

2 tuổi: 11 Học sinh (dân tộc 10 trẻ, nam 5 trẻ, nữ 6 trẻ) tăng/giảm so với năm học trước 11 học sinh. Đạt 100 %

- Kết quả nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2024- 2025 như sau:

+ Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ:

Trẻ 3 tuổi:

Trẻ PTBT về cân nặng: 5/6 trẻ đạt 83 %

Trẻ SDD nhẹ cân: 1/6 trẻ chiếm 17 %

Trẻ PTBT về chiều cao: 6/6 trẻ đạt 100 %

Trẻ SDD thấp còi: 0/6 trẻ đạt 0

+ Chất lượng giáo dục trẻ:

Trẻ 3 tuổi:

Trẻ đạt yêu cầu: 6/6 trẻ đạt 100%

Trẻ chưa đạt yêu cầu: 0/6 trẻ chiếm 0%

1.2. Thuận lợi, khó khăn

* Thuận lợi:

- Nhà trường quan tâm đến cơ sở vật chất, tang thiết bị, đồ dùng dạy học và tỷ lệ học sinh theo quy định.

- 2/2 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, yêu nghề mến trẻ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Đa số phụ huynh đồng tình cao trong việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, thường xuyên phối hợp với cô giáo và nhà trường làm tốt công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe, giáo dục cho trẻ.

* Khó khăn:

- Lớp là lớp ghép có độ tuổi 2- 3 nên trẻ nhận thức không đồng đều, số trẻ mới ra lớp đông, vốn tiếng việt của trẻ còn hạn chế, 99% là con em là dân tộc thiểu số.

- Lớp học học nhờ nhà kho nên không đủ diện tích cho trẻ thực hiện học, ăn, ngủ.

- Một số trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho các hoạt động của trẻ còn là đồ tự làm chưa đúng với quy định.

- Trẻ người Hmông ở trên núi cao, bố mẹ đi làm ăn xa ở với ông bà anh chị nên việc kết hợp với phụ huynh trong việc chăm sóc giáo dục trẻ không được thường xuyên.

2. Mục tiêu chung

- Trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường. Đảm bảo vệ sinh ATTP. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thức ăn... Trẻ ăn đúng thực đơn theo ngày, ăn hết xuất.

- Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

- Trẻ được khám định kỳ, theo dõi biểu đồ sức khỏe theo quy định

- Trẻ có thói quen tốt, thực hiện có nề nếp.

- 100% trẻ PTBT về cân nặng và chiều cao..

- Trẻ được thực hiện đầy đủ nội dung, đạt các mục tiêu trong chương trình giáo dục mầm non.

3. Mục tiêu cụ thể và nội dung

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung
A. TỔ CHỨC ĂN	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. - Nước uống: - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.	+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: - Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. - Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Uống đủ nước khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn ngày, tuần, tháng. Thực đơn thay đổi theo tuần, mùa, các món ăn chế biến đa dạng thực phẩm phong phú, đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ.
	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc

B. TỔ CHỨC NGŨ	buổi trưa.	buổi trưa (khoảng 150 phút).
C. VỆ SINH	- Vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	- Trẻ có thói quen vệ sinh, ăn uống tự phục vụ. Trẻ có kỹ năng rửa tay trước và sau khi ăn. - Cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học xanh, sạch, đẹp. - Môi trường lớp học thông thoáng, sạch sẽ và có đủ ánh sáng.
D. CHĂM SÓC, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN	- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Trẻ được cân đo chắm biểu đồ chính xác theo dõi quá trình phát triển theo quý 3 lần/năm. - Xây dựng kế hoạch phục hồi SDD, béo phì cho những trẻ SDD, béo phì theo từng tháng. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng...tại trường và thông báo kịp thời với các cấp quản lý khi có dịch bệnh xảy ra. - Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp, vệ sinh môi trường phòng chống cháy nổ.

3.2. Giáo dục

Lĩnh vực	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung
I. Phát triển thể chất	2 tuổi	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu	- Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao. Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi. a. Phát triển vận động 1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Tập hít vào thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.

		(nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.	- Lưng, bụng lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. 2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu - Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. 3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình.
--	--	--	--

		- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.	- Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe 1. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. 2. Làm quen với một số việc tự phục vụ - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, khí thời tiết nóng, lạnh. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. 3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc
		- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.	
		- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	

		đến gần và khi không có người lớn cho phép. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
	3 tuổi - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.	- Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao. Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi. a. Phát triển vận động 1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa: 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + <i>Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, dang ngang.</i> + <i>Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao</i> + <i>Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</i> - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngả người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Đứng khụy gối + Bật tách – chụm chân tại chỗ + Đứng nâng cao chân. Gập gối

		- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.	+ Bật lên trước, lùi lại sau, sang bên. 2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt. + Đi trong đường hẹp. + Chạy chậm khoảng 60-80m - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm. 3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ
--	--	--	--

		- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe 1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, <i>cay nóng</i> sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. 3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. (<i>không xem ti vi và điện thoại trong khi đang ăn, uống.</i>)
--	--	--	---

			- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
II. Phát triển nhận thức	2 tuổi	- Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.	1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua , <i>cay-nóng</i>) 2. Nhận biết * Một số bộ phận của cơ thể con người - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân, <i>trán, cằm, má.</i> * Một số đồ dùng, đồ chơi

		- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. * Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. * Một số con vật, hoa quả quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, củ quả quen thuộc. - <i>Trẻ biết tên 1 số ngày lễ hội: Tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán...</i> * Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian - Màu đỏ, vàng, xanh, đen, trắng. - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. * Bản thân, người gần gũi - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
--	--	---	--

			- Trẻ biết tên 1 số ngày lễ hội: Tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán...
	3 tuổi	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.	a. Khám phá khoa học 1. Các bộ phận của cơ thể con người - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. 2. Đồ vật * Đồ dùng, đồ chơi - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. * Phương tiện giao thông - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. 3. Động vật và thực vật - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. 4. Một số hiện tượng tự nhiên * Thời tiết, mùa - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. * Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. * Nước

		- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. * Không khí, ánh sáng - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày * Đất, đá, cát, sỏi - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán 1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn 2. Xếp tương ứng - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. 3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc - So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ. 4. Đo lường - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. 5. Hình dạng - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình
--	--	--

- Một số khái niệm sơ đẳng về toán.

			tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép. 6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. c. Khám phá xã hội 1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng. - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. <i>Mối quan hệ giữa những thành viên là họ hàng trong gia đình (ông, bà, cô dì, chú, bác bên nội, bên ngoại).</i> Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. 2. Một số nghề trong xã hội - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. 3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
III. Phát triển ngôn ngữ	2 tuổi	- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.	1. Nghe - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau

		- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Hồn nhiên trong giao tiếp.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe và trả lời các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu?; Như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, bài hát, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. 2. Nói - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Ở đâu?;... Thế nào?; Để làm gì?; Tại sao? - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. 3. Làm quen với sách - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
	3 tuổi	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.	1. Nghe - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.

		- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. 2. Nói - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Trả lời được một số câu hỏi của người khác : Ai ? Cái gì ? Ở đâu ? Khi nào ? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Đọc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. 3. Làm quen với đọc, viết - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt :
--	--	--

		- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.	+ Hướng đọc, viết : Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và ‘đọc’ truyện - Giữ gìn sách
IV. Tình cảm và kĩ năng xã hội	2 tuổi	- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, với sự vật gần gũi - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.	1. Phát triển tình cảm * Ý thức về bản thân - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài, <i>giới tính</i> của bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Giao tiếp với những người xung quanh. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên * Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái, cảm xúc : Vui, buồn, tức, giận, <i>sợ hãi</i> - Quan tâm đến các vật nuôi. 2. Phát triển kỹ năng xã hội * Mỗi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. * Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” ;

		xin lỗi chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
	3 tuổi - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.	1. Phát triển tình cảm * Ý thức về bản thân - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. * Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh - Nhận biết và thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận), qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. 2. Phát triển kĩ năng xã hội * Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội - Một số quy định ở lớp và gia đình (Để đồ dùng, để đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn..). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “Đúng - sai”; “Tốt - xấu”.

		- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.	* Quan tâm đến môi trường - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
V.phát triển thẩm mỹ	2 tuổi	- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc ; thích vẽ, xé dán, xếp hình ; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...	- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. * Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.
	3 tuổi	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. -	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. 2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc

		- Yêu thích, hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.	- Sử dụng các dụng cụ gỗ đệm theo phách, nhịp. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Nhận xét sản phẩm tạo hình. * Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật - Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình
--	--	---	---

4. Dự kiến các Chủ đề và thời gian thực hiện các chủ đề trong năm học

STT CDGD thực hiện	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề
Nề nếp	- Tuần: <i>Nề nếp</i>	- Từ: 27/08 - 04/9/2025
Trường mầm non	- Nhánh 1: Trường mầm non của bé - Nhánh 2: Lớp học của bé - Nhánh 3: Đồ dùng đồ chơi của bé - Nhánh 4: Tết trung Thu	4 Tuần: 08/9- 03/10/2025 - Tuần 1 Từ: 08/09 -12/9/25 - Tuần 2: Từ 15/09- 19/09/25 - Tuần 3: Từ: 22/09-26/09/25 - Tuần 4: Từ: 29/09-03/10/25
Bản Thân	- Nhánh 1: Bé là ai? - Nhánh 2: Cơ thể của bé - Nhánh 3: Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	3Tuần: 06/10 -24/10/2025 - Tuần 5: Từ: 06/10-10/10/25 - Tuần 6: Từ: 13/10-17/10/25 - Tuần 7: Từ: 20/10- 24/10/25

Gia đình	- Nhánh 1: Gia đình bé - Nhánh 2: Ngôi nhà gia đình bé - Nhánh 3: Họ hàng trong gia đình bé - Nhánh 4: Ngày nhà giáo VN 20/11. - Nhánh 5: Đồ dùng trong gia đình bé.	5 Tuần: 27/10-28/11/2025 - Tuần 8: Từ : 27/10-31/11/25 - Tuần 9: Từ:03/11-07/11/25 - Tuần 10: Từ:10/11-14/11/25 - Tuần 11: Từ 17/11- 21/11/25 - Tuần 12: Từ24/11- 28/11/25
Nghề nghiệp	- Nhánh 1: Một số nghề phổ biến quen thuộc - Nhánh 2: Nghề sản xuất - Nhánh 4: Nghề dịch vụ - Nhánh 3: Nghề xây dựng +Ngày quân đội nhân dân Việt Nam.	4 Tuần: 01/12-26/12/2025 - Tuần 13: Từ: 01/12-5/12/25 - Tuần 14: Từ: 08/12-12/12/25 - Tuần 15: Từ: 15/12-19/12/25 - Tuần 16: Từ 22/12-26/12/25
Thế giới Động vật	- Nhánh 1: Động vật nuôi trong gia đình - Nhánh 2: Động vật sống dưới nước. + Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 - Nhánh 3: Động vật sống trong rừng. - Nhánh 4: Côn trùng và Chim	4 Tuần: 29/12- 23/01/2026 - Tuần 17: Từ 29/12-02/01/26 - Tuần 18: Từ 05/01- 9/01/26 - Tuần 19: Từ 12/01 - 16/3/26 - Tuần 20: Từ 19/01 -23/01/26
Thế giới thực vật	- Nhánh 1: Một số loại cây. - Nhánh 2: Tết và mùa xuân <i>Nghỉ tết nguyên đán</i> - Nhánh 3: Một số loại hoa quả - Nhánh 4: Một số loại rau, củ - Nhánh 5: Một số loại cây lương thực	5 Tuần: 26/1/2026- 13/3/2026 - Tuần 21: Từ 26/1- 30/01/26 - Tuần 22: Từ 02/02-6/02/26 (NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN) - Tuần 23: Từ 23/02-27/02/26 - Tuần 24: Từ 02/03-06/03/26 - Tuần 25: Từ 09/03-13/03/26
Phương tiện giao thông		3 Tuần: 16/3–3/04/2026

	- Nhánh 1: Một số PTGT đường bộ và luật lệ giao thông - Nhánh 2: Một số PTGT đường thủy - Nhánh 3: Một số PTGT đường sắt, hàng không	- Tuần 26: Từ : 16/3- 20/3/26 - Tuần 27: Từ : 23/3 - 27/3/26 - Tuần 28: Từ:30/03- 3/04/26
Nước và hiện tượng tự nhiên	- Nhánh 1: Sự kỳ diệu của nước đất, đá, sỏi, cát - Nhánh 2: Một số hiện tượng thời tiết - Nhánh 3: Các mùa trong năm	3 Tuần: 06/4 - 24/4/2026 - Tuần 29: Từ : 06/4 -10/4/26 - Tuần 30: Từ : 13/4 - 17/4/26 - Tuần 31: Từ : 20/4 -24/4/26
Quê hương đất nước Bác Hồ	- Nhánh 1: Quê hương yêu quý. - Nhánh 2: Bản làng em - Nhánh 3: Đất nước diệu kỳ. - Nhánh 4: Bác Hồ và các cháu thiếu nhi	4 Tuần: 27/04 - 22/5/2026 - Tuần 32: 27/4-01/5/26 - Tuần33: 4/5- 8/5/26 - Tuần 34: Từ:11/5- 15/5/26 - Tuần 35: Từ: 18/5 - 22/5/26

5. Nhiệm vụ, giải pháp

5.1. Công tác nuôi dưỡng:

* Nhiệm vụ:

- 100% trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường 2 bữa/ngày (bữa chính, bữa phụ) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ.
- Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc bữa ăn cho trẻ.
- Trẻ được ăn đúng thực đơn, ăn hết xuất.

* Giải pháp:

- Tuyên truyền với phụ huynh duy trì mức ăn của trẻ để đảm bảo nhu cầu năng lượng 1 ngày cho trẻ, xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý để nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ theo quy định.
- Thực hiện tốt công tác an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non.

5.2. Công tác chăm sóc:

* Nhiệm vụ:

- Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

- Trẻ được khám, theo dõi biểu đồ sức khỏe theo quy định.
- Trẻ được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
- Nguồn nước ăn, uống của trẻ phải đảm bảo đun sôi nấu kỹ.

*** Giải pháp:**

- Chuẩn bị điều kiện, số lượng trẻ để trạm y tế kiểm tra sức khỏe của trẻ và theo dõi cân nặng chiều cao theo định kỳ.
- Có đầy đủ cân, thước đo chiều cao cho trẻ.
- Trong bữa ăn động viên khích lệ trẻ ăn hết xuất của mình, theo dõi ghi chép những trẻ ăn và không ăn được món gì.
- Vệ sinh cá nhân cho trẻ thường xuyên.

5.3. Công tác giáo dục.

*** Nhiệm vụ.**

- Thực hiện tốt chương trình GDMN.
- Thực hiện tốt các chuyên đề “ giáo dục lấy trẻ làm trung tâm ”, “tăng cường tiếng việt cho trẻ”

*** Giải pháp**

- Xây dựng kế hoạch từng chủ đề theo chương trình GDMN sửa đổi, bổ sung của Bộ Giáo dục và đào tạo.
- Học tập bồi dưỡng chuyên môn và ứng dụng CNTT trong giảng dạy để nâng cao chất lượng giờ dạy.
- Trang trí và tạo dựng môi trường trong và ngoài lớp.
- Chú trọng việc đổi mới phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, dạy trẻ mọi lúc mọi nơi, hoạt động có gắn thẻ ELM, Steam theo quy trình 5E, thường xuyên đánh giá sự phát triển của trẻ qua từng chủ đề, giai đoạn, tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, sáng tạo qua các hoạt động giáo dục hàng ngày, tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo trẻ “*Chơi mà học, học bằng chơi*”.
- Tập trung tăng cường tiếng Việt cho trẻ phù hợp theo độ tuổi, chú trọng xây dựng môi trường tiếng Việt trong và ngoài lớp học, lồng ghép các hoạt động 12 dạy tăng cường tiếng Việt thông qua học, chơi, đọc thơ ca đồng dao,...trọng tâm vào việc phát âm rõ, sử dụng ngôn ngữ mạch lạc, biểu cảm.
- Chuẩn bị thiết bị đồ dùng đồ chơi cho cô và trẻ thực hiện tốt chương trình dạy và học tốt hơn.
- Tuyên truyền phối hợp với phụ huynh học sinh, các tổ chức xã hội đóng góp, ủng hộ các nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương và mua đồ dùng - đồ chơi phục vụ hoạt động học và chơi của trẻ.

- Làm đồ dùng - đồ chơi tự tạo và xây dựng cảnh quan lớp học phù hợp với từng chủ đề.
- Tham gia các hội thi, các buổi tập huấn chuyên môn đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm.

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục lớp mẫu giáo Ghép 3 tuổi Gia Mãi năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non số 1 Xuân Hòa

Nơi nhận :

- BGH nhà trường ;
- Lưu : BGH, TCM, Lớp ghép 2 – 3 tuổi GM.

Người xây dựng kế hoạch
GIÁO VIÊN

Utuaz

Nguyễn Thị Tuân

Utuaz

Đinh Thị Ánh Vân

XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Minh